

Bản án số: **151/2025/DS-PT**

Ngày: 15/4/2025

V/v: “*Tranh chấp về phân chia tài sản thuộc sở hữu chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán:

Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về phân chia tài sản thuộc sở hữu chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 837/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trần H**, sinh năm 1952; trú tại: **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1988; trú tại: **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **Huỳnh Văn K** là Luật sư của **Văn phòng L1**, thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; địa chỉ liên hệ: **Tầng A HM T, Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt

2. Bị đơn: ông **Trần P**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Đinh Ca L**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Phạm Thị T**: ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1988. Có mặt

Cùng địa chỉ: **Khôi G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

- Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1966; địa chỉ: **Khôi G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Nguyễn Thị S**: ông **Thái Nguyên T1** là Luật sư của **Công ty L2**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**. Địa chỉ: **Số C đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt

- Ông **Trần Nguyễn Minh M**, sinh năm 1987; có mặt

- Bà **Trần Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1990;

- Bà **Trần Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: **Khôi G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Trần Nguyễn Minh M**, bà **Trần Nguyễn Thị H2**, bà **Trần Nguyễn Thị H3**: ông **Đình Ca L**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam**. Có mặt

- **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q**.

Địa chỉ: **Số A đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Văn C**, chức vụ: Phó Giám đốc **Văn phòng Đ**; địa chỉ: **Số I đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông **Trần H** và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên thừa đất số 08, tờ bản đồ số 9, diện tích 918m², tại **Khôi G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** có nguồn gốc do cha ông **Trần H** là ông **Trần K1** (Kính) đã cùng với ông **Trần H** khai hoang từ sau ngày 30/7/1975 đến trước ngày 18/12/1980. Vào thời điểm khai hoang, hộ ông **K1** gồm: ông **K1**, ông **H**, bà **T** (vợ ông **H**) và ông **P**. Ngày 27/3/1996, hộ ông **Trần K1** được **Ủy ban nhân dân huyện Đ** (nay là **thị xã Đ**) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0364/QSĐĐ với diện tích 1.340m² đất thổ cư.

Vào ngày 17/01/2003, ông **K1** đã chuyển nhượng diện tích đất 430m² cho vợ chồng bà **Nguyễn Thị C1** và ông **Phùng Tấn C2**, phần diện tích đất còn lại là 918m².

Đến năm 2013 thì ông **Trần K1** chết, không để lại di chúc. Ông **Trần K1** có 02 người con là ông **Trần H** và ông **Trần Pha**. Ngoài ra, không có con riêng, con chung nào khác. Đến ngày 18/4/2022 thì hai anh em ông **Trần H** và ông **Trần P** có lập thủ tục thừa kế phần đất trên và được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 199608 do ông **Trần H** là người đại diện thừa kế với hình thức sử dụng chung. Trên phần đất diện tích 918m² có 02 ngôi nhà:

- Ngôi nhà thứ nhất: diện tích sàn: 67,4m², có gác với diện tích 53,8m²; (hiện để thờ cha mẹ của ông **H**).

- Ngôi nhà thứ hai: diện tích xây dựng: 72,4m²; diện tích sàn: 72,4m² (của vợ chồng ông **Trần P** xây dựng, sử dụng).

Nay, nguyên đơn ông **Trần H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 918m². Nguyên đơn có nguyện vọng được nhận phần đất trống có diện tích là 459m², cây cối hoa màu gắn liền với đất nếu có trên phần đất trên thì nguyên đơn sẽ thanh toán lại giá trị cho bị đơn và nguyên đơn đồng ý giao ngôi nhà thứ nhất gắn liền với phần đất còn lại cho bị đơn; nguyên đơn thống nhất giao toàn bộ ngôi nhà thứ nhất (ngôi nhà **số A**) cho bị đơn được quyền sở hữu.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông **Trần P** và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguyên trước năm 1975, ông **P**, ông **Trần K1** (cha ông **Pha**) và ông **H** sinh sống tại **xã C, thành phố H**. Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là do 03 cha con ông **K1** (gồm ông **K1**, ông **H**, ông **P**) khai hoang sau năm 1975, lập vườn và làm nhà sinh sống tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m². Sau đó, ông **H** lập gia đình và sinh sống bên cạnh nhà ông **P**. Ông **P** cưới vợ và vợ con ông **P** cùng chung sống với ông **K1** trong khu vườn này.

Quá trình sử dụng đất, ông **K1** đại diện hộ gia đình đã kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, trong đó có diện tích khoảng 1.348m² đất thổ cư, tên người sử dụng đất là hộ ông **Trần K1**; hộ ông **H** đăng ký phần còn lại là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích 760m².

Năm 1987, ông **H** lập gia đình và ra ở riêng. Ông **P** quản lý, sử dụng phần đất còn lại. Năm 2000, do nhà đông con, ông **P** xây dựng nhà trên đất để ở và phụng dưỡng cha. Đến năm 2003 thì ông **P** xây dựng thêm 01 ngôi nhà ở và để thờ ông bà, nằm phía trước ngôi nhà cũ của ông **K1**. Năm 2013, ông **K1** chết, khi chết không để lại di chúc. Năm 2021, hai anh em ông **P** tiến hành mở thừa kế tài sản của hộ ông **K1** để lại dưới hình thức là văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, văn bản này chỉ có ông **H** và ông **P** ký. Sau khi hoàn thành thủ tục mở thừa kế, đến ngày 18/4/2022 thì **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 199608, diện tích 918m² cho ông **Trần H** và ông **Trần P** là đồng sở hữu tài sản.

Vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông **Trần K1** có nhiều thành viên. Tuy nhiên, khi mở thừa kế thì trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật không có các thành viên trong hộ ông **Trần K1** ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là không đúng. Thủ tục mở thừa kế theo pháp luật không đúng dẫn đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 199608 không đúng.

Nay, ông **Trần H** khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 918m² mà ông **Trần H** là người đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 199608 cho 02 người là ông **Trần H** và **Trần P** thì ông **P** không đồng ý; ông **P** chỉ đồng ý chia cho ông **H** $\frac{1}{2}$ tài sản của ông **K1** trong quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình (gồm 07 thành viên), phần quyền sử dụng đất của ông **K1** tương ứng với 131,14m² ($918\text{m}^2 \times \frac{1}{7} = 131,14\text{m}^2$). Để quyền lợi của các thành viên trong hộ ông **Trần K1** được bảo vệ (có vợ và các con ông **P**), ông **P** yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số DE 199608 ngày 18/4/2022 cấp cho ông **Trần H** và ông **Trần P** đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m².

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Trần Nguyễn Minh M**, bà **Trần Nguyễn Thị H2**, bà **Trần Nguyễn Thị H3** do ông **Đinh Ca L** đại diện theo ủy quyền, thống nhất với lời khai của bị đơn.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị T** là ông **Trần Văn H1** trình bày: sau năm 1975, bà **T** cùng với gia đình chồng là ông **K1**, ông **H**, ông **P** cùng về khai hoang diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp. Bà **T** thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia đôi diện tích đất tranh chấp, giao cho ông **H**, ông **P** mỗi người một nửa.

Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** trình bày:

Hộ ông **Trần K2** (ngày 27/7/2021 được đính chính là hộ ông **Trần K1**) sử dụng đất được **Ủy ban nhân dân huyện Đ** (nay là **thị xã Đ**) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 464080 ngày 27/3/1996 đối với 08 thửa đất, với tổng diện tích 4.250m², trong đó có thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.348m², loại đất: thổ cư (ngày 28/10/2021 được **UBND thị xã Đ** xác định diện tích đất ở là 918m²), tại **xã Đ** (nay là **phường Đ**), **thị xã Đ**, **tỉnh Quảng Nam**.

Ông **Trần K1** chết ngày 16/6/2013, những người thừa kế của ông **Trần K1** gồm ông **Trần H** và ông **Trần P** đã lập thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09 nói trên tại “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” đã được **Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ** chứng thực ngày 04/3/2022.

Sau khi lập các thủ tục thừa kế theo quy định, ông **Trần H** và ông **Trần P** ủy quyền cho bà **Trần Nguyễn Thị H2** liên hệ Chi nhánh **Văn phòng Đ1** để kê khai, đăng ký và cấp Giấy chứng nhận mới cho người nhận di sản thừa kế. Sau khi các bên có liên quan thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, Chi nhánh **Văn phòng Đ1** lập và hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thừa kế của ông **Trần H** và ông **Trần Pha**. Qua kết quả thẩm tra hồ sơ của **Văn phòng Đ**, xét thấy hồ sơ đảm bảo quy định nên ngày 18/4/2022, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** ký cấp Giấy chứng nhận cho ông **Trần H** và ông **Trần P** (đồng sử dụng) đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m², tại **Khố G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

Với các nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

“Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 166 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 208, 209, 219 và 234 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 98 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần H** đối với bị đơn ông **Trần P** về việc tranh chấp về phân chia tài sản thuộc sở hữu chung.

Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m² và ngôi nhà số A (ký hiệu g1) gắn liền với đất tại **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** là tài sản thuộc sở hữu chung của ông **Trần H** và ông **Trần Pha**.

Phân chia tài sản thuộc sở hữu chung như sau:

Giao cho ông **Trần H** được nhận quyền sử dụng diện tích đất 229,5m² thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tại **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** (tương ứng với phần S3 trong Trích đo kèm theo).

Giao cho ông **Trần P** được nhận quyền sử dụng diện tích đất 688,5m² và sở hữu ngôi nhà số A (ký hiệu g1) gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tại **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** (tương ứng với phần S1, S2 trong Trích đo kèm theo).

(Có Trích đo kèm theo).

Buộc ông **Trần P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trần H** giá trị quyền sử dụng diện tích đất 137,7m² (367,2m² - 229,5m²) là 1.140.156.000 (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Buộc vợ chồng ông **Trần P**, bà **Nguyễn Thị S** phải tháo dỡ một phần chuồng bò (diện tích 2,9m²) có trên diện tích đất 229,5m² thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tại **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** đã giao cho ông **Trần H** được quyền sử dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần H** đối với quyền sử dụng diện tích đất 91,8m² (459m² - 367,2m²).

Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 199608 ngày 18/4/2022 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp cho ông **Trần H** (là người đại diện cho ông **Trần H** và ông **Trần P**) đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tại **Khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2024, bà **Nguyễn Thị S**, ông **Trần P**, anh **Trần Nguyễn Minh M**, chị **Trần Nguyễn Thị H2**, chị **Trần Nguyễn Thị H3** kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà **S**, ông **P**, ông **M**, chị **H2**, chị **H3** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần H** là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị S**, ông **Trần P**, anh **Trần Nguyễn Minh M**, bà **Trần Nguyễn Thị H2**, bà **Trần Nguyễn Thị H3**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương

sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Theo Văn bản số 31/UBND ngày 29/6/2023, Ủy ban nhân dân phường Đ cho biết nguồn gốc thửa đất số 08, tờ bản đồ 09, diện tích 1.348m² như sau: “Qua xác minh cộng đồng dân cư, hộ ông Trần K2 (còn gọi Trần C3) trước 30/4/1975 sinh sống tại xã C, H. Sau ngày 30/4/1975, hộ ông Trần K2 cùng các hộ tộc Trần khác về khai phá vùng đất thuộc khối phố G, phường Đ. Trong đó, hộ ông Trần K2 (gồm ông Trần K2, ông Trần H, bà Phạm Thị T, ông Trần P) khai phá thửa đất số 111, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m² sử dụng làm nhà ở và ông Trần K2 đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại sổ đăng ký ruộng đất HTX4 theo số thứ tự 183, trang 55. Thực hiện theo Nghị định 64/CP thửa đất số 111, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.740m² chia thành 02 thửa gồm: hộ ông Trần K2 đăng ký theo Nghị định 64/CP, đã được UBND huyện (nay là thị xã) Điện Bàn cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.348m², mục đích sử dụng: đất thổ cư (T), thời hạn: Lâu dài. Và hộ ông Trần H đăng ký theo Nghị định số 64/CP, đã được UBND huyện (nay là thị xã) Điện Bàn cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ 09, diện tích 760m², mục đích sử dụng: đất thổ cư (T), thời hạn: Lâu dài”. (bl 197)

Theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật” ngày 04/3/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ, ông Trần H và ông Trần P thống nhất: “Chúng tôi cam kết toàn bộ khối tài sản quyền sử dụng đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (nay là phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H464080, do UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (nay là thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) cấp ngày 27/3/1996 cho hộ Trần K1 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (nay là phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam). Nay ông Trần K1 đã qua đời, ông không để lại di chúc nên toàn bộ khối tài sản mà ông để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể di sản thừa kế của ông Trần K1 để lại là: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m² (bằng chữ: Chín trăm mười tám mét vuông), mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ khối G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.” (bl 96)

Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do ông Trần K2 cùng vợ và 02 con khai hoang và sử dụng từ những năm 1975.

[3] Xét kháng cáo của bà S, ông P, anh M, chị H2, chị H3 cho rằng tại thời điểm mở thừa kế thì bà S, anh M, chị H2, chị H3 có hộ khẩu cùng địa chỉ với ông Trần K2 nên việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Trần K2 giữa ông H4, ông P ngày 04/3/2022 là không đúng quy định pháp luật.

Thấy, bà S cho rằng sau khi kết hôn với ông P vào năm 1987 thì hai vợ chồng có khai phá thêm đất xung quanh nhà, nhưng bà S, ông P không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc khai phá đất từ sau năm 1987.

Thửa đất đang tranh chấp là do cụ **Trần K2** khai hoang từ năm 1975, cụ **Trần K2** cũng đã thực hiện thủ tục kê khai theo Chỉ thị 299/TTg đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 05, diện tích 1740m² (b1 192), trong khi đến năm 1987 bà **S** mới kết hôn với ông **P**, ông bà cũng không chứng minh được khai phá thêm đất. Vì vậy, có cơ sở xác định bà **S**, anh **M**, chị **H2**, chị **H3** không tham gia tạo lập khối di sản của cụ **K2** nên không có quyền lợi liên quan đến thửa đất đang tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất đang tranh chấp là di sản của ông **Trần K2** và hàng thừa kế thứ nhất của ông **Trần K2** là ông **Trần H**, ông **Trần P** là đúng quy định pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 199608 ngày 18/4/2022 cho ông **Trần H**-là người đại diện cho ông **Trần H** và ông **Trần P** đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 918m² tại **Khố G, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam** là đúng quy định pháp luật.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông **Trần P** có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn di sản thừa kế nên quyết định chia ông **Trần P** 3/5 diện tích đất tranh chấp tương ứng 550,8m² và chia cho ông **Trần H** 2/5 diện tích đất tranh chấp, tương ứng với 367,2m² là phù hợp.

Căn cứ vào thực tế đang sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn thửa đất có diện tích 229,9m² và buộc ông **Trần P** thanh toán số tiền 1.140.156.000 đồng là có căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần H** là đúng quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị S**, anh **Trần Nguyễn Minh M**, chị **Trần Nguyễn Thị H3**, chị **Trần Nguyễn Thị H2** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

Ông **Trần P** mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng được miễn án phí dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị S**, anh **Trần Nguyễn Minh M**, chị **Trần Nguyễn Thị H3**, chị **Trần Nguyễn Thị H2** và ông **Trần Pha** . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Nguyễn Thị S** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà **Nguyễn Thị S** đã nộp 300.000 án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000270 ngày 18/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Anh **Trần Nguyễn Minh M** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh **Trần Nguyễn Minh M** đã nộp 300.000 án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000271 ngày 18/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Chị **Trần Nguyễn Thị H2** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị **Trần Nguyễn Thị H2** đã nộp 300.000 án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000330 ngày 26/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Chị **Trần Nguyễn Thị H3** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị **Trần Nguyễn Thị H3** đã nộp 300.000 án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000331 ngày 26/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Ông **Trần P** được miễn án phí dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa